

sinh là 366.344 người (chưa trừ đi số chết). Thật ra dân số thành phố còn tăng hơn nhiều và số mới sinh không phải chỉ bao nhiêu đó nếu tính cả những người lớn và con em mới sinh của họ không có đăng ký thường trú chính thức tại TP HCM và những đứa trẻ sinh ra ở các vùng nông thôn sâu của thành phố không được cha mẹ khai sinh. Như vậy nếu lấy số sinh hàng năm trừ đi số chết trước tuổi 15 và số học sinh cấp I tăng hàng năm từ 1992-1993 và vẫn theo đó cho đến năm 2000 thì sẽ thấy một nguy cơ thực sự là sau 10-15 năm nữa tức từ 2010 - 2015 VN sẽ phải làm sự rượt đuổi lần thứ hai để khắc phục sự tụt hậu về kinh tế do dân trí VN xuống thấp tuyệt đối.

Đó là sự tính toán trên con số theo phương pháp so sánh. Nó không nói lên được về mặt chất lượng dạy và học. Đột nhiên sau 20 năm, nền giáo dục VN lại thiếu hàng vạn giáo viên cấp I mặc dù số học sinh hàng năm tăng lên không nhiều và phải chọn "tay ngang" bởi lương cấp tốc để làm thầy giáo. Chất lượng sẽ ra sao khỏi cần phải bàn.

Hiện nay trong những năm đầu của thời mở cửa, cuộc khởi đầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa chủ yếu là tiến công vào công nghiệp có tiền lương thấp, VN còn có thể xoay sở với lực lượng lao động và quản lý có trình độ thấp mặc dù cũng đã thấm thía không ít về những thiệt hại. Cuộc khủng hoảng kinh tế kéo theo sự khủng hoảng toàn diện về văn hóa xã hội. Đầu óc thực dụng chủ nghĩa cũng góp phần không nhỏ. Một số người đổ tiền như nước vào những chuyện không đâu, kể cả trong những cuộc truy hoan nhưng không phải cho giáo dục.

Nguy cơ của sự tụt hậu lần thứ 2 có thể sẽ thành sự thực trong vài thập niên tới nếu ngay từ bây giờ không có giải pháp thỏa đáng cho giáo dục đào tạo. Trước hết khắc phục quan điểm lệch lạc áp dụng cơ chế thị trường vào trong giáo dục đào tạo trong những nhà làm chính sách. Cần phải làm cho mọi cấp quản lý nhìn xa hơn và sáng ra: không có đầu tư nào thu lợi nhuận cao hơn đầu tư vào con người xét về mặt kinh tế thuần túy chứ chưa nói đến sự hưng vong của Tổ quốc. Sự bao cấp của nhà nước là nhiệm vụ của nhà nước đối với giáo dục đào tạo không mâu thuẫn với việc đóng góp của xã hội nếu không xem sự đóng góp của xã hội như một sự trút gánh nặng của ngân sách cho nhân dân thực chất là một thứ thuế phải đóng thêm và xem sự đóng góp của xã hội là và chỉ là tiền bạc thuần túy. Các thể chế tài chính thể giới không phải không có tính toán - tất nhiên theo kiểu của họ - khi một trong những món tiền đầu tiên cho VN vay được cấp đầu tiên là cho giáo dục tiểu học. Hai là có chính sách thỏa đáng cho thầy cô giáo và cho đào tạo

thầy cô giáo để thầy cô giáo an tâm thực hiện chức năng thiêng liêng - làm nghề thầy. Thật là vô lý khi đòi học sinh sự phạm, thầy cô trong khuôn khổ cũng nhấc, giản đơn, thiếu khoa học và của cái gọi là đảm bảo mối "tương quan hợp lý" giữa các ngành nghề đào tạo, giữa các loại nhân viên trong bộ máy hành chính. Không phải và cũng không thể khắc phục bằng những trợ cấp, tuy là cần thiết, nhưng không đủ để nói lên sự trân trọng của đất nước đối với thầy cô vốn là truyền thống từ xưa của ông cha. Tại sao cũng một số tiền lại không đưa hẳn vào lương theo pháp định mà vẫn giữ dưới hình thức "cứu tế". Cần giải thoát khỏi tư tưởng bình quân trong chính sách đãi ngộ. Ba là ngành giáo dục và thầy cô giáo phải tự khẳng định mình trong chức năng thiêng liêng đang gánh vác trong nội dung đào tạo đáp ứng với yêu cầu của đất nước, trong việc đảm bảo tính sư phạm, mô phạm. Cần tự trọng trước khi người ta trọng mình.

4. Từ lâu, từ khi có chính sách mở cửa về kinh tế, người ta ít thấy cụm từ "giáo dục ý thức tự lực tự cường" xuất hiện trong các văn kiện chính thức, trên các phương tiện truyền thông, ở các cuộc họp. Đang bàn về các giải pháp khắc phục sự tụt hậu về kinh tế lại nói đến chính trị tư tưởng, phải chăng là lạc lõng?

Không. Không những là không lạc lõng mà là, chính là một trong những giải pháp có tính chiến lược - thậm chí có tính chất chỉ đạo - trong sự khắc phục tụt hậu về kinh tế. Xưa kia, nỗi nhục của người dân mất nước đã là động lực thúc đẩy cả dân tộc hy sinh tất cả lao vào cuộc chiến đấu. Ngày nay làm chủ trên mảnh đất của tổ tiên để lại, đất không phải không đủ rộng; người không phải không đông và thiếu thông minh, bản lĩnh; tài nguyên, tuy không phải giàu có vào bậc nhất thì thiên hạ song cũng đủ nhiều, lại vẫn nghèo, vẫn bị liệt vào hàng các nước nghèo nhất, nỗi nhục đó nào có kém gì. Không phải không có tấm gương như nước Nhật sau chiến tranh thể giới lần thứ hai. Tại sao không khơi dậy lòng tự trọng dân tộc, biến ý thức về nỗi nhục của sự tụt hậu thành một sức mạnh vật chất trong xây dựng và phát triển kinh tế?

Trong nỗ lực khắc phục sự lạc hậu về kinh tế phải tìm cho ra hàng trăm, ngàn giải pháp trên mọi lãnh vực hình thành một sức mạnh tổng hợp mới có cơ may thành công nhưng theo tôi những giải pháp nêu trên là cơ bản nhất trước mắt và cả lâu dài.

Tham luận trong Hội nghị khoa học "Các giải pháp ban đầu để khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước đang phát triển" tại Đại học tổng hợp TP.HCM ngày 20.7.1994.

Với những thành tựu đạt được về mọi mặt trong công cuộc đổi mới, thế và lực cho phát triển của Việt Nam đã thay đổi, tạo điều kiện đẩy tới một bước quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước như Nghị quyết hội nghị trung ương lần thứ 7, khóa 7 (từ ngày 25 đến 30.7.1994) đã xác định; nhằm cụ thể hóa đường lối, phương hướng, chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa đã được Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng, khóa 7 (tháng 1.1994) khởi xướng.

Nghị quyết hội nghị lần thứ 7, BCH TƯ Đảng khóa 7 về "phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới" đã đánh giá đúng mức thực trạng, từ đó vạch ra phương hướng, chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp, công nghệ và xây dựng giai cấp công nhân trong tình hình mới.

Làm thế nào để những chủ trương, chính sách đó đi vào cuộc sống?

Thấy rằng phát triển công nghiệp là nội dung cốt lõi của quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Trong bối cảnh phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, khi công nghệ đã trở thành một yếu tố của lực lượng sản xuất trực tiếp, Việt Nam tuy có nguy cơ tụt hậu về kinh tế; song cũng có thời cơ, vận hội thừa hưởng các thành tựu công nghệ quốc tế để đẩy nhanh quá trình phát triển với một chiến lược công nghệ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đúng đắn; kế thừa các thành tựu hiện đại của nền văn minh nhân loại; kết hợp với truyền thống; bản sắc dân tộc Việt Nam. Chiến lược đó có thể được thực hiện với các chương trình; biện pháp cụ thể dưới đây.

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ MŨI NHỌN

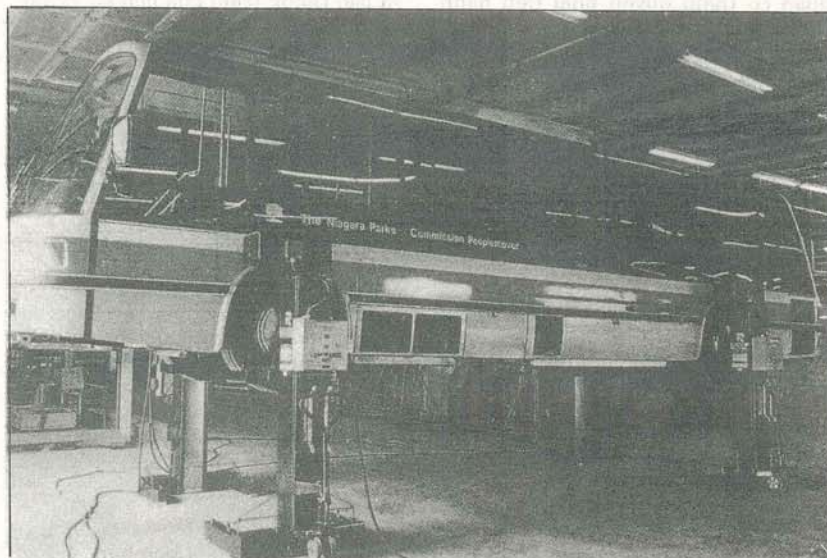
Chương trình công nghệ mũi nhọn là chương trình nghiên cứu và ứng dụng những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, nhằm phát triển trước hết các ngành mũi nhọn và một số ngành khác. Đối với một nước đang phát triển như Việt Nam; trước hết là nghiên cứu ứng dụng, đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định, những ngành mũi nhọn. Vậy ở Việt Nam, khâu nào là khâu quyết định, ngành nào là ngành mũi nhọn có tác dụng đầu vào cho sự phát triển? Hãy đơn cử một ví dụ.

Phát triển công nghệ thông tin

Kỷ nguyên mà loài người đang sống là kỷ nguyên của sự "bùng nổ thông tin". Khi mà theo đánh giá của của Liên Hiệp Quốc, nhu cầu cơ bản của con người thời đại ngày nay là lương

thực (food) và thông tin (information); nói lương thực ở đây là bao hàm cho cả ăn, mặc và ở.

Theo điều tra của Ngân hàng thế giới, trong nền kinh tế toàn cầu hiện nay, công nghệ thông tin bao gồm: sản xuất sản phẩm chương trình, máy tính, sản phẩm vi mạch điện tử; bán dẫn, các phương tiện truyền truyền, quang cáo, các phương tiện thông tin đại chúng như tivi, video, radio-cassette... là ngành phát triển nhanh nhất. Trong năm 1993, doanh thu của ngành công nghệ thông tin thế giới là 2.900 tỷ USD, cao hơn 2 lần doanh thu từ công nghệ dệt - 1.620 tỷ USD, cao hơn 3 lần doanh thu từ công nghệ ô tô - 1.100 tỷ USD, cao hơn 4 lần doanh thu từ công nghệ chế tạo máy - 800 tỷ USD, và cao hơn cũng 4 lần doanh thu từ công nghệ quốc phòng - 800 tỷ USD. Phát triển mạnh mẽ nhất là các phương tiện thông tin đại chúng, đang nghe nhìn như tivi, video... trở thành



PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT NAM THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

PTS. VŨ CÔNG TUẤN

các sản phẩm mũi nhọn trên thương trường quốc tế, có tốc độ phát triển năng động nhất trong công nghệ thông tin.

Công nghệ thông tin có đặc điểm đặc biệt, gồm hai thành phần cơ bản: phần cứng, thể hiện ở dạng vật chất cụ thể như đầu máy tính, tivi, video... và phần mềm, thể hiện ở dạng phi vật chất như các chương trình mã hóa, chương trình điều khiển... là sản phẩm tư duy độc đáo của bộ não, do con người sáng tạo ra. Con người Việt Nam với khả năng tư duy sáng tạo không nghi ngờ, cho phép chúng ta có khả năng tham gia vào thị trường phần mềm của công nghệ thông tin thế giới, thực hiện chủ trương: "Phát triển ngành điện tử - tin học để đến thập kỷ tới trở thành một ngành mũi nhọn, thực hiện chương trình quốc gia về công nghệ thông tin, đưa nhanh điện tử - tin học vào sản xuất dịch vụ, quản lý đời sống và an ninh quốc phòng. (1)

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NGHỆ THÍCH HỢP

Là một nước đang phát triển, Việt Nam có ba điều thiếu: thiếu vốn, thiếu công nghệ và thiếu quản lý.

Phải chăng Việt Nam thiếu công nghệ bất kỳ nào? Trong điều kiện thiếu vốn, không nhất thiết phải dùng công nghệ đắt tiền nhất, hiện đại nhất vào mọi lĩnh vực. Lời khuyên cáo của Liên Hiệp Quốc đối với các nước đang

phát triển là nghiên cứu ứng dụng công nghệ thích hợp, đặc biệt trong chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, qua đầu tư trực tiếp và các con đường khác.

Đã trên sáu năm, kể từ khi Luật đầu tư nước ngoài ở Việt Nam được ban hành (29.12.1987). Một vấn đề luôn được quan tâm và có ý nghĩa lớn trong thiết lập, thẩm định và thực hiện các dự án có vốn đầu tư nước ngoài, nói rộng ra, cả việc chuyển giao công nghệ thuần túy, có liên quan đến sở hữu công nghiệp như: bằng sáng chế, bí quyết công nghệ (know - how) kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa... là việc lựa chọn công nghệ thích hợp và tối ưu trong điều kiện thực tiễn Việt Nam. Điều 41, chương 3, nghị định 139 - HĐBT của Hội đồng bộ trưởng (nay là chính phủ). "Quy định chi tiết về việc thi hành luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam" ban hành ngày 5.9.1988 đã xác định:

1. Công nghệ được chuyển giao cho xí nghiệp liên doanh phải là công nghệ cần thiết và thích hợp cho XNLD để tạo ra hiệu quả kinh tế - xã hội có ý nghĩa hoặc để tăng khả năng cạnh tranh sản phẩm của xí nghiệp trên thị trường quốc tế.

2. Công nghệ được chuyển giao phải đáp ứng một trong các yêu cầu sau:

2.1. Cải tiến đáng kể về kiểu dáng,

chất lượng sản phẩm, làm tăng sản lượng.

2.2. Tạo ra sản phẩm mới mà Việt Nam có nhu cầu cấp bách hoặc sản xuất ra hàng thay thế nhập khẩu.

2.3. Tiết kiệm đáng kể nguyên vật liệu và năng lượng "đối với nước ta, cũng như các nước đang phát triển khác, nơi mà nguồn tài chính vốn rất eo hẹp và thiếu thốn; các nguồn lực khác cũng hạn chế như: năng lượng, vật tư, nguyên - nhiên vật liệu... thì việc lựa chọn công nghệ thích hợp để sử dụng các nguồn lực đầu vào "một cách hiệu quả là một việc làm rất cần thiết".

Để làm ra một loại sản phẩm nhất định, có nhiều công nghệ được chào bán, cạnh tranh nhau. Người tiếp nhận hoặc mua công nghệ cần biết đánh giá và lựa chọn trong số các công nghệ cạnh tranh được chào bán, trước khi đưa ra các đề nghị có thể trong dự án khả thi để trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

Cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt phải ra quyết định lựa chọn được một công nghệ thích hợp và tối ưu trong số các phương án được đề ra. Về hình thức, sự phê duyệt một loại công nghệ nào đó được thể hiện bằng sự đăng ký hành chính một văn bản hợp tác giữa bên tiếp nhận công nghệ ở trong nước và bên sở hữu công nghệ ở ngoài nước. Về nội dung, cơ

quan có thẩm quyền phải tiến hành công việc sau:

1. Xem xét và kiểm tra lại quá trình lựa chọn một công nghệ nào đó, do phía tiếp nhận công nghệ đề nghị.

2. Lựa chọn giữa các công nghệ được đề nghị bằng cách cân nhắc những giới hạn về nguồn lực như: năng lượng, nguyên nhiên - vật liệu, vốn, ngoại tệ, lao động có trình độ kỹ thuật... để ra quyết định lựa chọn một công nghệ thích hợp.

3. Đánh giá công nghệ lựa chọn dưới góc độ vi mô của nền kinh tế cụ thể:

3.1. Tính thích hợp của các cơ sở hạ tầng ở trong nước đối với công nghệ được lựa chọn.

3.2. Lợi ích và các đóng góp khác mà công nghệ lựa chọn mang lại cho nền kinh tế.

3.3. Năng lực của bên tiếp nhận công nghệ khi tiếp thu và sử dụng công nghệ đó.

3.4. Chi phí về đầu tư và sử dụng công nghệ.

3.5. Ảnh hưởng của công nghệ lựa chọn đến ô nhiễm môi trường sinh thái và các biện pháp khắc phục.

3.6. Các nguồn cần thiết kèm theo công nghệ như: bằng sáng chế, bí quyết công nghệ, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa...

Việc đánh giá và lựa chọn công nghệ được tiến hành đúng đắn bao nhiêu, thì hạn chế được những rủi ro xảy đến khi sử dụng công nghệ bấy nhiêu. Sự rủi ro mà bên tiếp nhận công nghệ phải gánh chịu là do việc đánh giá chủ quan, thiếu cơ sở khoa học về quy mô đầu tư, thị trường, đặc tính kỹ thuật của sản phẩm, đặc điểm của quy trình công nghệ, lợi nhuận dự tính... Sự tra giá cho hiện tượng du nhập công nghệ lạc hậu, máy móc thiết bị cũ trong hoạt động hợp tác đầu tư với nước ngoài còn đó. Nhằm khắc phục, ở trung ương, cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt công nghệ phải là Bộ khoa học - công nghệ và môi trường; tại TP.HCM là Sở khoa học - công nghệ và môi trường thành phố.

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT NAM: TRUYỀN THÔNG VÀ HIỆN ĐẠI

Công nghệ được hiểu là phương tiện và phương pháp để thực hiện các hoạt động sản xuất và dịch vụ trong xã hội.

Với lịch sử trên bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước, xã hội Việt Nam - văn hóa Việt Nam và công nghệ Việt Nam là một thực thể đã được bảo tồn và phát triển từ hàng ngàn năm nay.

Nền văn minh lúa nước Việt Nam chắc chắn ra đời sớm hơn nhiều sự hình thành nhà nước Việt Nam cổ đại. Công nghệ trồng lúa nước Việt Nam, được đúc kết bằng 4 chữ "nước - phân - cần - giống", trải qua dòng thời gian vô tận

và bao thăng trầm của lịch sử xã hội, vẫn giữ nguyên vẹn tính khoa học và thực tiễn cho đến ngày nay và mãi mãi cho các thế hệ mai sau.

Công nghệ đúc luyện kim của thời đại đồ đồng Việt Nam với sản phẩm trống đồng Đông Sơn (Hòa Bình) nổi tiếng, đã đang và sẽ mãi mãi là biểu tượng của nền văn minh văn hóa Việt Nam thời cổ đại.

Nếu như các nước công nghiệp hàng đầu (G7) phải mất cả thế kỷ cho quá trình phát triển công nghiệp hóa tự phát, với kinh nghiệm của các nước đi trước, các nước công nghiệp mới (Đài Loan, Hàn Quốc, Singapore, Hồng Kông) chỉ cần một thời gian 2-3 thập kỷ cho quá trình công nghiệp hóa; trong đó, nổi lên một bài học đáng trân trọng: công nghiệp hóa - hiện đại hóa, trên nền tảng của bản sắc dân tộc; văn hóa dân tộc.

Dù công nghệ hiện đại có được du nhập, dù công nghệ thích hợp có được chuyển giao; thì công nghệ Việt Nam - một yếu tố cấu thành của văn hóa Việt Nam phải do chính con người Việt Nam nghiên cứu sáng tạo và ứng dụng, phục vụ cho công cuộc phát triển "tự thân vận động" của đất nước. Bởi vậy, trong mọi hoạt động sản xuất và dịch vụ, từ thực tiễn sinh động của cuộc sống; việc nghiên cứu phát triển, đúc kết thành lý luận công nghệ Việt Nam có ý nghĩa khoa học và thực tiễn quan trọng.

Gắn mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của từng địa phương, vùng lãnh thổ với mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ sẽ tạo ra môi trường công nghệ để gieo mầm nảy lộc phát triển khoa học và công nghệ.

XÃ HỘI HÓA CÔNG NGHỆ

Công nghiệp hóa và hiện đại hóa là một quá trình lâu dài, có ý nghĩa chiến lược, nhằm mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Công nghiệp hóa và hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của nhiều thế hệ, của khối đại đoàn kết mọi giai tầng trong xã hội; chỉ có thể và nhất định sẽ thành công khi được toàn thể xã hội quan tâm xây dựng.

Cùng với sự hình thành nền kinh tế thị trường, thị trường vốn, thị trường sức lao động và thị trường công nghệ là những thành phần thị trường không thể thiếu vắng. Tại TP.HCM, thị trường công nghệ đã bước đầu được hình thành, đã có 28 hội khoa học và công nghệ chuyên ngành được thành lập, đã trở thành những đầu mối quan trọng nhằm tập hợp và khai thác đội ngũ đông đảo cán bộ khoa học và công nghệ thành phố thuộc các thành phần kinh tế gồm 100.000 cán bộ có trình độ đại học (chiếm 1/4 tổng số cán bộ đại học của cả nước) và trên 1.000 cán bộ

có trình độ trên đại học. Các tổ chức khoa học và công nghệ quần chúng trên đã đóng góp tích cực vào các hoạt động nghiên cứu và triển khai, phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Trong năm 1993, TP.HCM đã có 70 đề tài nghiên cứu và triển khai được nghiệm thu và 80% trong số đó đã được triển khai ứng dụng vào thực tiễn hoạt động sản xuất và dịch vụ có hiệu quả cao, tăng 10% về số lượng đề tài ứng dụng so với năm 1992.

Trong bối cảnh quốc tế hóa nền kinh tế thế giới, xã hội hóa công nghệ gắn liền với quốc tế hóa công nghệ, khi mà chiều chuyển giao công nghệ có sự chuyển dịch lớn, từ Bắc - Bắc, chuyển sang Bắc - Nam và Nam - Nam một cách mạnh mẽ. Trong những năm qua, TP.HCM đã có nhiều chương trình hợp tác với nước ngoài trong phối hợp nghiên cứu - triển khai, trang bị lại các phương tiện nghiên cứu, đào tạo và đào tạo lại cán bộ khoa học và công nghệ... thành phố đã hợp tác với Pháp để xây dựng trung tâm phát triển hóa nghiệm, trung tâm nghiên cứu vật liệu phức hợp; phối hợp với chương trình phát triển của Liên Hiệp Quốc (UNDP) trong thực hiện 8 dự án chuyển giao công nghệ về: bột màu và thuốc nhuộm, dược phẩm, chất dẻo, bao bì, nấm, rau quả, rừng phòng hộ... Hợp tác quốc tế về công nghệ được ưu tiên cho chương trình đổi mới công nghệ theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Gắn mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ; kết hợp các trình độ công nghệ một cách hợp lý; thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển công nghệ đồng bộ và nhất quán nhằm tạo ra một môi trường công nghệ thuận lợi, bước đầu hình thành thị trường công nghệ và thực hiện xã hội hóa công nghệ sẽ góp phần đưa công nghệ phát huy đầy đủ chức năng một yếu tố của lực lượng sản xuất trực tiếp, một yếu tố nguồn lực "đầu vào" quan trọng trong quá trình phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa ♣

Tài liệu tham khảo

1. Nghị quyết hội nghị lần thứ 7, BCHTW Đảng khóa 7 về "Phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2.000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới".
2. Đỗ Mười - Dấy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh - Bài phát biểu tại Hội nghị lần thứ 7 BCHTW Đảng, khóa 7, từ ngày 25 đến 30.7.1994.
3. Dự báo kinh tế - xã hội Việt Nam thập kỷ 90, Tạp chí Thống kê, Hà Nội 1991.